

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 258/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
I	QUẶNG KHOÁNG SẢN KIM LOẠI		
1	Quặng sắt	Tấn	50.000
2	Quặng mangan-gan (mangan)	Tấn	40.000
3	Quặng vàng		
-	Vàng gốc	Tấn	270.000
-	Vàng sa khoáng	Tấn	180.000
4	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	225.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
5	Quặng von-phờ-ram (<i>wolfram</i>), quặng ăng-ti-moan (<i>antimon</i>)	Tấn	40.000
6	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	250.000
7	Quặng đồng, quặng ni-ken (<i>nicken</i>)	Tấn	50.000
8	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	25.000
II	KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI		
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	1.500
2	Sỏi	m ³	7.500
3	Đá block (<i>bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ</i>)	m ³	60.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	4.500
5	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (<i>Serpentin, barit, bentonit</i>)	m ³	4.100
6	Đá làm fluorit	m ³	3.000
7	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ (<i>trừ quy định tại điểm 3 mục này</i>)	m ³	60.000
8	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	4.500
9	Đá granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (<i>trừ quy định tại điểm 3 mục này</i>)	m ³	60.000
10	Cát vàng	m ³	5.000
11	Các loại cát khác	m ³	4.000
12	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	2.600
13	Mi-ca (<i>mica</i>), thạch anh kỹ thuật	Tấn	25.000
14	Pi-rít (<i>pirite</i>), phốt-pho-rít (<i>phosphorit</i>)	Tấn	25.000
15	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (<i>cryolite</i>), Ô-pan (<i>opan</i>) quý màu trắng, đỏ lửa; Birusa, Nê-phờ-rít (<i>nefrite</i>)	Tấn	60.000
16	Cuội, sạn	m ³	6.000
17	Các loại đất khác	m ³	1.500
18	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.500
19	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	25.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
III	Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Mục I, II		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./. *lf*

Nơi nhận: *lf*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. *lf*

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh